

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HS-ST
Ngày 20-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Quang Duy.

2. Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2021/TLST-HS, ngày 06 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 71/2021/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 8 năm 2021; các Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số 02/2021/TB-TA, ngày 16/8/2021 và số 04/2021/TB-TA, ngày 26/8/2021 đối với bị cáo:

Trần Quốc H, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1991 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Ấp 0B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoàng T, sinh năm 1962 và bà Trần Thị T, sinh năm 1957 (đã chết); vợ: Lê Ngọc Q, sinh năm 1998 (không còn sống chung); con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/01/2021 bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện X ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định số 46/QĐ-UBND và ngày 21/6/2021 bị Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” vào ngày 07/4/2021 với mức tiền phạt là 500.000 đồng tại Quyết định số 25/QĐ-XPHC; Bị tạm giữ ngày 09/4/2021, chuyển tạm giam ngày 15/4/2021 theo Lệnh tạm giam số 52/LTG của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- Bị hại:

Ông Trần Minh D, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp 0B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

+ Bà Cáp Thị M, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp 0B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Anh Vi Văn N, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp 0, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 07/04/2021, Trần Quốc H khi đi qua nhà ông Trần Minh D và bà Nguyễn Thị T tại tổ 0, ấp 0B, xã T, huyện X. H thấy cửa nhà khóa và không có người trông coi, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để trả nợ, mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân. H về nhà lấy chìa khóa, đi theo đường phía sau bên hông nhà ông D, bà T trèo lên mái nhà, dùng chìa khóa (mở) mái tole (tôn), rồi vớt chìa khóa xuống đường bên cạnh nhà ông D, bà T sau đó chui xuống gian nhà bếp, trộm cắp được 35.000 đồng trong túi áo khoác. H tiếp tục đi vào phòng ngủ lục tìm tại tủ nhựa trộm cắp được 02 đồng hồ đeo tay và 15.015.000 đồng trong 02 ví (bóp) da. Sau khi lấy được tài sản thì theo lối cũ để thoát ra ngoài đi về nhà. 02 đồng hồ trộm cắp được, H cất giấu tại phòng ngủ của mình; số tiền 15.050.000 đồng dùng trả nợ và mua card điện thoại (thẻ cào điện thoại) của bà Cáp Thị M tại ấp 0B, xã T, huyện X hết 425.000 đồng; mua nước, thuốc lá và card điện thoại của bà Nguyễn Thị Lệ T tại ấp B, xã T, huyện X hết 300.000 đồng và trả tiền trước đây đã mua thiếu (mua chưa trả tiền) ma túy của 01 người phụ nữ tên B (không rõ nhân thân, lai lịch) tại tỉnh lộ 329 hết 10.000.000 đồng và mua thêm của người phụ nữ này 400.000 đồng ma túy để sử dụng. Số tiền còn lại H đã chi tiêu cá nhân hết.

Khi phát hiện bị mất tài sản, ngày 07/4/2021 vợ chồng ông, bà Trần Minh D và Nguyễn Thị T có đơn trình báo cơ quan Công an đề nghị giải quyết (Bút lục: 146). Cùng ngày, Công an xã T, huyện X đã tiến hành lập biên bản ghi nhận hiện trường nơi xảy ra vụ việc (Bút lục: 58).

Sau đó, toàn bộ hồ sơ và đồ vật, tài liệu được chuyển tới Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu xử lý theo thẩm quyền.

Trong các ngày 09/4, 14/4 và 20/4/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu đã tiến hành lập biên bản xác minh hiện trường, vẽ sơ đồ hiện trường và chụp ảnh hiện trường (Bút lục: 59-79); lập biên bản truy tìm vật chứng (Bút lục: 92); ra Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm: 01 đồng hồ đeo tay loại VACHERON CONSTANTIN GENEVE, dây da, đã qua sử dụng; 01 đồng hồ đeo tay loại EDIFICE CASIO, dây bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động loại NOKIA 105, màu đen, số IMEI 359729/06/289022/4, đã qua sử dụng; 01 cây rựa có chiều dài 62,7cm, có lưỡi bằng kim loại dài 29cm, bản rộng nhất 5cm, có một cạnh sắc nhọn, một cạnh tù, cán bằng gỗ dài 33,7cm, đường kính 3cm, đã qua sử dụng; 320.000 đồng (Bút lục: 96); 01 chiếc ví cầm tay dạng khóa kéo, màu xám, bên ngoài có chữ GUCCI, có kích thước 19,5cm x 10cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc ví cầm tay dạng khóa

kéo, màu nâu, bên ngoài có chữ WATCHJADY, có kích thước 21,5cm x 10,5cm, đã qua sử dụng; 01 USB loại Kingston 2G (Bút lục: 97).

Tại Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG, ngày 04/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận: Đối với chiếc đồng hồ đeo tay có chữ VACHERON CONSTANTIN GENEVE là 250.000 đồng; đối với chiếc đồng hồ đeo tay có chữ EDIFICE CASIO là 916.500 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 1.166.500 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) (Bút lục: 84).

Tài sản bị chiếm đoạt được xác định bao gồm: 15.050.000 đồng tiền Việt Nam và 02 chiếc đồng hồ đeo tay có giá là 1.166.500 đồng. Tổng cộng 16.216.500 đồng (Mười sáu triệu hai trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

Tại Cáo trạng số 62/CT-VKS, ngày 06/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố bị cáo Trần Quốc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Quốc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 09/4/2021).

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Số tiền 15.050.000 đồng, bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại. Quá trình điều tra, bị hại không yêu cầu giải quyết và có ý kiến cho (tặng) lại bị cáo số tiền này, nên trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với số tiền trên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- 01 điện thoại di động loại NOKIA 105, màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI 359729/06/289022/4; 01 cây rựa (dao rựa) có chiều dài 62,7cm, có lưỡi bằng kim loại dài 29cm, bản rộng nhất 5cm, có một cạnh sắc nhọn, một cạnh tù, cán bằng gỗ dài 33,7cm, đường kính 3cm, đã qua sử dụng và số tiền 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng) là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến vụ án, nhưng bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo tịch thu, nộp và sung vào ngân sách nhà nước. Riêng đối với 01 cây rựa (đặc điểm như trên), đã cũ, có giá trị và giá trị sử dụng không lớn, đề nghị Hội đồng xét xử cho tịch thu, tiêu hủy.

- Trả lại cho chủ sở hữu là ông D và bà T: 01 đồng hồ đeo tay loại VACHERON CONSTANTIN GENEVE, dây da, đã qua sử dụng; 01 đồng hồ đeo tay loại EDIFICE CASIO, dây bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 chiếc ví cầm tay dạng khóa kéo, màu xám, bên ngoài có chữ GUCCI, có kích thước 19,5cm x 10cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc ví cầm tay dạng khóa kéo, màu nâu, bên ngoài có chữ WATCHJADY, có kích thước 21,5cm x 10,5cm, đã qua sử dụng.

- Cần lưu theo hồ sơ vụ án: 01 USB, loại Kingston 2G – Đây là thiết bị đã ghi lại hình ảnh về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án do bị hại giao nộp.

- Đối với 01 chiếc kim (không rõ đặc điểm, chủng loại) mà bị cáo đã sử dụng để cạy (mở) mái tôn nhà bị hại. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được nên không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã gây ra, bị cáo không bào chữa, tranh luận.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Khoảng 09 giờ ngày 07/04/2021, Trần Quốc H khi đi qua nhà gia đình ông D, bà T (cách nhà bị cáo khoảng 100m), thấy cửa nhà khóa và không có người trông coi, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để trả nợ, mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân. H về nhà lấy kim, đi theo đường phía sau bên hông nhà ông D, bà T trèo lên mái nhà, dùng kim mở mái tôn, rồi vớt kim xuống đường bên cạnh nhà ông D, bà T sau đó chui (tọt) xuống gian nhà bếp, trộm cắp được 35.000 đồng trong túi áo khoác và 15.015.000 đồng trong 02 ví da cùng 02 đồng hồ đeo tay tại tủ nhựa để trong phòng ngủ. Khi về nhà, H cất giấu 02 đồng hồ tại phòng ngủ của mình, còn số tiền 15.050.000 đồng dùng trả nợ và mua card điện thoại của bà M tại ấp 0B, xã T hết 425.000 đồng; mua nước, thuốc lá và card điện thoại của bà T1 tại ấp B, xã T hết 300.000 đồng và trả tiền trước đây đã mua ma túy, nhưng chưa trả tiền của 01 người phụ nữ tên B (không rõ nhân thân, lai lịch) tại tỉnh lộ 329 hết 10.000.000 đồng và mua thêm của người phụ nữ này 400.000 đồng ma túy để sử dụng. Số tiền còn lại bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với biên bản ghi nhận hiện trường, với kết luận định giá tài sản, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tài sản bị chiếm đoạt được xác định bao gồm: 15.050.000 đồng tiền Việt Nam và 02 chiếc đồng hồ đeo tay có giá là 1.166.500 đồng. Tổng cộng 16.216.500 đồng (Mười sáu triệu hai trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Bị cáo đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về xâm phạm sở hữu, nhưng do tham lam, lười lao động, bị cáo đã bất chấp tất cả quy định của pháp luật, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại, cố ý chiếm đoạt tài sản bằng cách lén lút thực hiện hành vi đối với chủ sở hữu, mục đích có tiền để trả nợ, mua ma túy

sử dụng và chi tiêu cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân huyện X truy tố bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự giao nộp một phần tài sản đã chiếm đoạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng bản thân bị cáo là người nghiện ma túy đã bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện X ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết định số 46/QĐ-UBND, ngày 19/01/2021 và bị Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 07/4/2021 với mức tiền phạt là 500.000 đồng tại Quyết định số 25/QĐ-XPHC, ngày 21/6/2021 nhưng đến nay chưa nộp phạt. Những điều đó cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, không chịu rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu để trở thành công dân tốt nay lại phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cho dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng không thể áp dụng xử mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự mà cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Sự vắng mặt của bị hại; người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng tất cả đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 292, 293 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt đối với những người này.

[4] Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy; bản thân không có nghề

nghiep, thu nhập và không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị hại, đồng ý cho (tặng) lại bị cáo số tiền 15.050.000 đồng, nên trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với số tiền trên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động loại NOKIA 105, màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI 359729/06/289022/4; số tiền 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng) và 01 cây rựa (dao rựa) có chiều dài 62,7cm, có lưỡi bằng kim loại dài 29cm, bản rộng nhất 5cm, có một cạnh sắc nhọn, một cạnh tù, cán bằng gỗ dài 33,7cm, đường kính 3cm, đã qua sử dụng. Đây là tài sản, công cụ hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến vụ án, nhưng bị cáo không có yêu cầu nhận lại và đồng ý giao nộp. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo tịch thu, nộp và sung ngân sách nhà nước.

- 01 đồng hồ đeo tay loại VACHERON CONSTANTIN GENEVE, dây da, đã qua sử dụng; 01 đồng hồ đeo tay loại EDIFICE CASIO, dây bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 chiếc ví cầm tay dạng khóa kéo, màu xám, bên ngoài có chữ GUCCI, có kích thước 19,5cm x 10cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc ví cầm tay dạng khóa kéo, màu nâu, bên ngoài có chữ WATCHJADY, có kích thước 21,5cm x 10,5cm, đã qua sử dụng. Tất cả những tài sản trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông D, bà T nên trả lại cho ông D, bà T.

- 01 USB, loại Kingston 2G. Đây là thiết bị đã ghi lại hình ảnh về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, có giá trị chứng minh tội phạm nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 chiếc kim (không rõ đặc điểm, chủng loại) mà bị cáo đã sử dụng để cạy (mở) mái tôn nhà bị hại. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với số tiền 425.000 đồng và số tiền 300.000 đồng, bị cáo đã sử dụng trái phép vào việc trả nợ, mua nước, thuốc lá và mua card điện thoại (thẻ cào điện thoại) của bà Cáp Thị M và bà Nguyễn Thị Lệ T (Tổng cộng: 725.000 đồng). Chủ sở hữu hợp pháp của số tiền trên là ông Trần Minh D và bà Nguyễn Thị T, nhưng ông D và bà T không có ý kiến gì về số tiền này, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 07/4/2021 của bị cáo. Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là 500.000 đồng tại Quyết định số 25/QĐ-XPHC, ngày 21/6/2021 là phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với hành vi của bị cáo đã nhiều lần mua ma túy của người phụ nữ tên B. Cơ quan Cảnh sát Điều tra chưa thu thập được tài liệu, chứng cứ để xử lý về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo và người phụ nữ tên B, nên đã tách riêng để tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[8] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án

thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 47 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106; Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc H 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 09/4/2021).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết do bị hại không có yêu cầu.

- Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động loại NOKIA 105, màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI 359729/06/289022/4; 01 (Một) cây rựa có chiều dài 62,7cm, có lưỡi bằng kim loại dài 29cm, bản rộng nhất 5cm, có một cạnh sắc nhọn, một cạnh tù, cán bằng gỗ dài 33,7cm, đường kính 3cm, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho ông Trần Minh D và bà Nguyễn Thị T: 01 (Một) đồng hồ đeo tay loại VACHERON CONSTANTIN GENEVE, dây da, đã qua sử dụng; 01 (Một) đồng hồ đeo tay loại EDIFICE CASIO, dây bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 (Một) chiếc ví cầm tay dạng khóa kéo, màu xám, bên ngoài có chữ GUCCI, có kích thước 19,5cm x 10cm, đã qua sử dụng; 01 (Một) chiếc ví cầm tay dạng khóa kéo, màu nâu, bên ngoài có chữ WATCHJADY, có kích thước 21,5cm x 10,5cm, đã qua sử dụng.

+ Lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (Một) USB, loại Kingston 2G.

(Vật chứng thu giữ đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 77/BB, ngày 16/7/2021).

- Về án phí: Bị cáo Trần Quốc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ Cảnh sát Điều tra Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND xã T, huyện X;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến